

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 35/TTr-SNN&PTNT ngày 28 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục **03 (Ba)** thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Trồng trọt: 01 thủ tục;
- Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 02 thủ tục.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện niêm yết, công khai và tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng.

b) Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận, giải quyết theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ NNPTNT;
- Bộ TTTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KTNV;
- TTPVHCC; TT TH-CB;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT KHI NỘP HỒ SƠ BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN SO VỚI HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ TRỰC TIẾP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Thời gian cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm		
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT					
1	1.008003.000.00.00.H61	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	25 ngày làm việc (Trường hợp cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng)	23 ngày làm việc	02 ngày làm việc	8%
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN					
1	2.001827.000.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (thuộc phạm vi cấp phép của Sở - Chi cục Kiểm lâm và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản; Chi cục Chăn nuôi	15 ngày	12 ngày	03 ngày	20%

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Thời gian cắt giảm	Tỷ lệ cắt giảm
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm		
		thú y và Thủy sản giải quyết)				
2	1.004815.000.00.00.H61	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (Chi cục Kiểm lâm và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản giải quyết, trừ trường hợp cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật hoang dã thuộc phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở)	30 ngày làm việc (Trường hợp kiểm tra thực tế)	27 ngày làm việc	03 ngày làm việc	10%